

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2017/HS-ST
Ngày 21-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Huân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Quảng Văn Minh** và ông **Lò Văn Thương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Ông **Nông Quốc Hoàn**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2017/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Tòng Thị T, sinh năm 1987 tại xã T, huyện Đ.

Tên gọi khác: Không

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Đội 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 2/12.

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Tòng Văn L, sinh năm 1962 và bà Quảng Thị X, sinh năm 1962; Bị cáo có chồng Lò Văn T.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/9/2017, có mặt.

2. Lò Văn C, sinh năm 1991 tại huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

Tên gọi khác: Không

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12.

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Lò Văn T, sinh năm 1968 và bà Lò Thị S, đã chết; Bị cáo có vợ Lương Thị T.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/9/2017, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ ngày 21/9/2017, Tòng Thị T đi ra khu vực bờ nương thuộc đội 2, xã T, huyện Đ mua được một gói hêrôin với giá 300.000 đồng của một người đàn ông dân tộc Thái khoảng 40 tuổi bị cáo không biết lai lịch. Mua được hêrôin, bị cáo mang về nhà dùng tay chia ra thành 02 gói nhỏ và cất giấu ở dưới đệm giường ngủ của bị cáo. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì Lò Văn C, sinh năm 1991 trú tại bản Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào nhà T hỏi mua hêrôin để sử dụng. Tòng Thị T đã bán cho Lò Văn C một gói hêrôin với giá 95.000 đồng. Hồi 11 giờ 20 phút cùng ngày, sau khi T nhận tiền và giao hêrôin cho C thì tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại tay trái của C 01 gói hêrôin và thu giữ trong túi quần bên phải của T 95.000 đồng tiền do T bán hêrôin cho C mà có.

Cáo trạng số 216/QĐ-VKS-HS ngày 27/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Tòng Thị T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; truy tố Lò Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194/BLHS năm 1999.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999 tuyên phạt bị cáo Tòng Thị T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999; Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa XIV; Khoản 3 Điều 7; Điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS năm 2015 Tuyên phạt bị cáo Lò Văn C từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41/BLHS năm 1999; điểm a, c khoản 2 Điều 76/BLTTHS về xử lý vật chứng, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 95.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có. Áp dụng Điều 99/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Tòng Thị T phải chịu án phí HSST. Miễn án phí HSST cho bị cáo Lò Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 11 giờ 30 phút ngày 21/9/2017 bút lục 01, 02, người bị bắt Lò Văn C, Tòng Thị T công nhận đã bị cơ quan Công an bắt quả tang thu giữ 01 gói bằng ni lông màu trắng, tiếp đó là lớp ni lông màu xanh, mở bên trong có các cục bột màu trắng nghi là hêrôin. Gói chất bột màu trắng là của Lò

Văn C. Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành có 95.000 đồng trong đó một tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, hai tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, một tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng.

Tại biên bản khám xét hồi 13 giờ 05 phút ngày 21/9/2017 bút lục 12, 13 người bị khám xét Tòng Thị T công nhận cơ quan Công an thu một gói bằng hai lớp ni lông màu xanh, mở bên trong có các cục bột màu trắng nghi là hêrôin. Gói chất bột màu trắng là của bị cáo Tòng Thị T.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 16 giờ 35 phút ngày 21/9/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ bút lục số 06, 07 thì khối lượng vật chứng thu giữ khi khám xét nhà ở bị cáo Tòng Thị T là 0,21 gam, trích mẫu gửi giám định 0,09 gam. Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 16 giờ 50 phút ngày 21/9/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ bút lục số 08, 09 thì khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Lò Văn C là 0,16 gam, trích mẫu gửi giám định 0,03 gam.

Các Kết luận giám định số 780/GĐ-PC54 ngày 10/10/2017; số 777/GĐ-PC54 ngày 09/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục số 50, 53 thì mẫu chất bột màu trắng được trích ra từ vật chứng thu giữ của Tòng Thị T và Lò Văn C đều là hêrôin. Hêrôin nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 20, danh mục I, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ; Không hoàn lại các mẫu vật sau giám định.

Các biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can từ bút lục số 56 đến 64A chứng minh bị cáo Tòng Thị T đã mua hêrôin và bán cho Lò Văn C được 95.000 đồng. Các biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can từ bút lục số 56 đến 75 chứng minh bị cáo Lò Văn C bị Công an bắt quả tang đang tàng trữ trái phép một khối lượng hêrôin trong lòng bàn tay trái của bị cáo.

Biên bản xác minh hồi 14 giờ 35 phút ngày 25/9/2017, hồi 08 giờ 00 phút ngày 10/9/2017 tại bút lục số 77, 78 xác định nguồn thu nhập và hoàn cảnh kinh tế của bị cáo Tòng Thị T, Lò Văn C. Giấy chứng nhận hộ nghèo năm 2017 tại bút lục số 79 chứng minh gia đình bị cáo Lò Văn C thuộc diện hộ nghèo tại bản Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Tòng Thị T và Lò Văn C có tội, chứng cứ xác định bị cáo Tòng Thị T đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy", Lò Văn C đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại Điều 194/BLHS năm 1999 và hướng dẫn ở tiểu mục 3.1; điểm a tiểu mục 3.3 mục 3 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007 ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo là

đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tòng Thị T và Lò Văn C có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội:

Khối lượng ma túy bị thu giữ của Tòng Thị T là 0,21 gam hêrôin, của Lò Văn C là 0,16 gam hêrôin. Bị cáo Tòng Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự cả phần khối lượng hêrôin thu giữ của Lò Văn C do số hêrôin đó là vật chứng bị cáo bán cho Lò Văn C. Khối lượng hêrôin mà các bị cáo mua bán, tàng trữ ở trong khoảng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam. Tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo C phải chịu trách nhiệm về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194/BLHS năm 1999 có khung hình phạt từ 02 đến 07 năm tù. Bị cáo Lò Văn C được xem xét để áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội quy định tại điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa XIV; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015. Theo đó Điều 249/BLHS năm 2015 quy định khung hình phạt tại khoản 1 của Điều 249 đối với hành vi của bị cáo là từ 01 đến 05 năm tù. Hội đồng xét xử căn cứ vào khối lượng ma túy thu giữ và các tình tiết khác để quyết định hình phạt phù hợp đối với các bị cáo.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Tòng Thị T đều xuất thân từ những gia đình nông dân thuần túy. Tòng Thị T do ham lợi nhuận, Lò Văn C là người nghiện ma túy. Những lý do nêu trên là nguyên nhân các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội để phải nhận một bản án không đáng có trong đời. Cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng nào, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999. Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cố gắng cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Theo khoản 5 Điều 194/BLHS năm 1999 quy định các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo khó khăn, tài sản của các bị cáo không có gì giá trị, thu nhập chính từ việc làm ruộng. Các bị cáo không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Tòng Thị T và Lò Văn C.

[4] Các vấn đề khác:

Đối với nguồn gốc số ma túy bị thu giữ bị cáo T và C do T mua của một người đàn ông dân tộc Thái khoảng 40 tuổi bị cáo không biết lai lịch. Quá trình điều tra không có cơ sở để làm rõ đối tượng. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng của vụ án là 0,37 gam hêrôin trích mẫu gửi giám định 0,12 gam không hoàn lại mẫu vật tịch thu tiêu hủy theo Điều 76/BLTTHS.

Đối với số tiền 95.000 đồng cơ quan Công an thu giữ của Tòng Thị T. Đây là tiền thu lời bất chính từ việc bị cáo bán hêrôin cho Lò Văn C do vậy tịch thu của bị cáo T để sung quỹ Nhà nước.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Tòng Thị T phải chịu án phí HSST. Bị cáo Lò Văn C là cá nhân thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ và bị cáo có đơn đề nghị miễn án phí do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại Điều 99/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Tòng Thị T** phạm tội "**Mua bán trái phép chất ma túy**".

Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt: Tòng Thị T **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 21/9/2017).

Tuyên bố: Bị cáo **Lò Văn C** phạm tội "**Tàng trữ trái phép chất ma túy**".

Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999; Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa XIV; Khoản 3 Điều 7; Điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS năm 2015; xử phạt: Lò Văn C **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 21/9/2017).

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41/BLHS năm 1999; điểm a , c khoản 2 Điều 76/BLTTHS:

+ Tịch thu tiêu hủy 0,37 gam hêrôin đã trích mẫu gửi giám định 0,12 gam không hoàn lại mẫu vật. Vật chứng được đựng trong phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng hồi 14 giờ 00 phút ngày 28/11/2017 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 95.000 đồng của Tòng Thị T. Tiền được đựng trong phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng hồi 14 giờ 00 phút ngày 28/11/2017 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

(Toàn bộ vật chứng đã được Công an huyện Đ bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ hồi 14 giờ 00 phút ngày 28/11/2017)

2. Án phí: Áp dụng Điều 99/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa

XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Miễn án phí HSST cho bị cáo Lò Văn C. Buộc bị cáo Tòng Thị T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 21/12/2017.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Nhà tạm giữ Công an HDB;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Huân